

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI ĐẠI HOÀNG MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI ĐẠI HOÀNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI HOANG MINH TRADING & INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAI HOANG MINH TRADING & INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108243720

3. Ngày thành lập: 20/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7A, phố Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ đóng gói	8292
2.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
3.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
4.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
5.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
6.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
7.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
8.	Sản xuất sợi	1311
9.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
10.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
11.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
12.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
13.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
14.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
15.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
16.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
17.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
18.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
19.	Sản xuất giày dép	1520
20.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
21.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
22.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

23.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
24.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
25.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
26.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
27.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
28.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
29.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
30.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
31.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
32.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
33.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
34.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
36.	Xây dựng nhà các loại	4100
37.	Xây dựng công trình công ích	4220
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
50.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
51.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
52.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
53.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
54.	Sản xuất rượu vang	1102
55.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
56.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
57.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
58.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

59.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
60.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
61.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
62.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
63.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
64.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
65.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
66.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530
68.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
69.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
70.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
71.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
73.	Cho thuê xe có động cơ	7710
74.	Đại lý du lịch	7911
75.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
76.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
77.	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý	4610
78.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634

79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659(Chính)
80.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
81.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
82.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	4543
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
86.	Xuất bản phần mềm	5820
87.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
88.	Quảng cáo	7310
89.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
90.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
91.	In ấn	1811
92.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
93.	Sao chép bản ghi các loại	1820
94.	Sản xuất than cốc	1910
95.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
96.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
97.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
98.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

99.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
100.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
101.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
102.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
103.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
104.	Thu gom rác thải độc hại	3812
105.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
106.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
107.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
108.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
109.	Khai thác gỗ	0221
110.	Thu nhật sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
111.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
112.	Khai thác thủy sản biển	0311
113.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
114.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
115.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
116.	Sản xuất giống thủy sản	0323
117.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
118.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
119.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
120.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
121.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
122.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
123.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
124.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
125.	Sản xuất đường	1072
126.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
127.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
128.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
129.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
130.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

131.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
132.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
133.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
134.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
135.	Bốc xếp hàng hóa	5224
136.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
137.	Điều hành tua du lịch	7912
138.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
139.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
140.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
141.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
142.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
143.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
144.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
145.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
146.	Bán buôn tổng hợp	4690
147.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
148.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
149.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
150.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
151.	Bán buôn gạo	4631
152.	Bán buôn thực phẩm	4632
153.	Bán buôn đồ uống	4633
154.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
155.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
156.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
157.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
158.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
159.	Chăn nuôi khác	0149
160.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

161.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN HẠNH	Phòng 202 nhà B3, tập thể Trại Găng, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	036075000041	
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		
2	TRẦN TẮT THẮNG	Số 210/15 đường Hà Đặc, tổ 73, khu phố 3, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	024522597	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		
3	BÙI ĐỨC LONG	Số 7A, phố Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	001060001579	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN HẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/04/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036075000041

Ngày cấp: 18/06/2013

Nơi cấp: cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 202 nhà B3, tập thể Trại Găng, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 202 nhà B3, tập thể Trại Găng, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội